

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 - AN GIANG
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Dũng - ông Nguyễn Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu Th, sinh năm 1991. Số định danh cá nhân: 089191002015. Nơi cư trú: Ấp PT, xã PH, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1986. Số định danh cá nhân: 089086001605. Nơi cư trú: Ấp QH, xã NH, tỉnh AG (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Thu Th trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Th và ông T tự tìm hiểu, được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức đám cưới và có Đ ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP (nay là xã NH), tỉnh AG. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống không hòa hợp nên thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn tình cảm ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con chung tên Trần Lê Hải Đ, sinh ngày 22/8/2014 và Trần Lê An Kh, sinh ngày 16/9/2018, hiện cả hai con đang chung sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

- Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện bà Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung là 10.000.000 đồng/tháng, nhưng bà Th đã rút lại yêu cầu này và xác định không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho các con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn ông T vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án công bố đầy đủ tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa các đương sự không giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đó giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã nêu trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung Trần Lê Hải Đ, sinh ngày 22/8/2014 và Trần Lê An Kh, sinh ngày 16/9/2018 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại xã Nhơn Hội, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà Th và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AP (nay là xã NH), tỉnh AG ngày 10/7/2013, nên hôn nhân được pháp luật công nhận kể từ ngày Đ ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, bà Th và ông T có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2024 cho đến nay. Tòa án có tiến hành hòa giải đề ghi nhận ý kiến, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt khi hòa giải, bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nên việc hòa giải đoàn tụ không thành; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa bà Th và ông T đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định

của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Th ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con chung tên Trần Lê Hải Đ, sinh ngày 22/8/2014 và Trần Lê An Kh, sinh ngày 16/9/2018, đang chung sống với bà Th. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì bà Th là người trực tiếp nuôi con và có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; các con chung Đ và Kh đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà Th. Do đó, để đảm bảo cho các con ổn định về tâm lý, chỗ ở, học tập và sự phát triển bình thường của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cả hai con chung Đ và Kh cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, các điều 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 6 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Thu Th ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Thu Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lê Hải Đ, sinh ngày 22/8/2014 và Trần Lê An Kh, sinh ngày 16/9/2018. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình của mình, không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0012860 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Th đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thu Th và ông Trần Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - TAND tỉnh An Giang;
 - VKSND cùng cấp;
 - Phòng THADS KV13-AG;
 - UBND xã NH
- (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Lợi

Mai Minh Chánh

Nguyễn Duy Linh